



Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hóa trực tuyến

GOOS Co., Ltd

Địa chỉ: Phòng 22.07, Toà nhà Vimenco, Đường Phạm Hùng, Quận Cầu Giấy, Hà nội

ĐT: + 84-4-3773 7548;

Fax: +84-4-3773 5834;

Hotline: 0912083463

Website: <http://choxaydung.vn>

Email: sale@choxaydung.vn

BẢNG GIÁ NHÀ MÁY ỚNG uPVC BÌNH MINH



(Áp dụng kể từ ngày 16/11/2010)

STT	ĐƯỜNG KÍNH (DN)	PN 4		PN 5		PN 6		PN 8		PN 10		PN 12,5		PN 16	
		BỀ DÀY		BỀ DÀY		BỀ DÀY		BỀ DÀY		BỀ DÀY		BỀ DÀY		BỀ DÀY	GIÁ BÁN
1	20	-	-	-	-	-	-	-	-	1,0	4.110	1,2	4.960	1,5	5.810
2	25	-	-	-	-	-	-	1,0	5.200	1,2	6.170	1,5	7.380	1,9	8.950
3	32	-	-	-	-	1,0	6.660	1,3	8.590	1,6	10.160	1,9	11.740	2,4	14.520
4	40	-	-	1,0	8.350	1,2	10.040	1,6	12.830	1,9	14.880	2,4	18.390	3,0	22.140
5	50	1,0	10.530	1,3	13.550	1,5	15.250	2,0	19.600	2,4	23.350	3,0	28.190	3,7	34.360
6	63	1,3	17.180	1,6	20.460	1,9	23.760	2,5	30.730	3,0	36.190	3,8	45.380	4,7	54.930
7	75	1,5	23.100	1,9	28.440	2,2	33.000	2,9	42.350	3,6	51.700	4,5	63.400	5,6	77.200
8	90	1,8	32.910	2,2	40.290	2,7	48.070	3,5	61.110	4,3	74.030	5,4	91.230	6,7	110.350
9	110	1,8	39.930	2,2	48.760	2,6	56.990	3,4	73.080	4,2	89.180	5,3	109.670	6,6	133.950
10	125	2,0	50.090	2,5	62.070	3,0	73.210	3,9	94.260	4,8	114.350	6,0	140.000	7,4	170.610
11	140	2,3	64.980	2,8	77.560	3,3	90.630	4,3	116.400	5,4	143.750	6,7	175.120	8,3	214.050
12	160	2,6	83.010	3,2	101.280	3,8	118.340	4,9	149.800	6,2	188.400	7,7	229.460	9,5	279.030
13	180	2,9	102.730	3,6	126.930	4,3	150.650	5,5	189.370	6,9	234.260	8,6	288.100	10,7	352.590
14	200	3,2	127.410	4,0	155.610	4,7	181.380	6,2	237.280	7,7	290.160	9,6	356.290	11,9	434.870
15	225	3,6	159.120	4,5	196.990	5,3	230.380	6,9	294.880	8,6	363.610	10,8	449.900	13,4	551.030
16	250	4,0	194.930	5,0	241.270	5,9	283.020	7,7	365.300	9,6	450.240	11,9	550.550	14,8	674.940
17	280	4,5	246.360	5,5	297.900	6,6	354.530	8,6	456.290	10,7	561.560	13,4	694.540	16,6	847.850
18	315	5,0	305.770	6,2	377.760	7,4	446.730	9,7	577.900	12,1	714.870	15,0	872.630	18,7	1.073.270
19	355	5,6	385.750	7,0	476.860	8,4	570.150	10,9	730.360	13,6	903.140	16,9	1.107.630	21,1	1.365.490
20	400	6,3	489.080	7,9	605.360	9,4	718.260	12,3	929.760	15,3	1.144.900	19,1	1.410.750	23,7	1.725.580
21	450	-	-	-	-	-	-	13,8	1.211.870	-	-	21,5	1.852.510	-	-
22	500	-	-	-	-	-	-	15,3	1.491.710	-	-	23,9	2.285.250	-	-
23	560	-	-	-	-	-	-	17,2	1.878.250	-	-	26,7	2.863.630	-	-
24	630	-	-	-	-	-	-	19,3	2.370.390	-	-	30	3.613.830	-	-

Ghi chú:

- Ống Nhựa Bình Minh sản xuất theo tiêu chuẩn ISO 4422:1996/TCVN 6151:2002 (Hệ mét)

- Giá đã bao gồm thuế VAT 10%

***GOOS hướng tới cải thiện hệ thống phân phối, cắt giảm giá thành sản phẩm.
Chúng tôi luôn sẵn sàng để các bạn gửi trọn niềm tin***



Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hóa trực tuyến
GOOS Co., Ltd

Địa chỉ: Phòng 22.07, Tòa nhà Vimeco, Đường Phạm Hùng, Quận Cầu Giấy, Hà nội

ĐT: + 84-4-3773 7548;

Fax: +84-4-3773 5834;

Hotline: 0912083463

Website: <http://choxaydung.vn>

Email: sale@choxaydung.vn

BẢNG GIÁ PHỤ TÙNG ỐNG uPVC - KEO DÁN



(Áp dụng kể từ ngày 16/11/2010)

STT	TÊN SẢN PHẨM	ĐV	Đơn Giá	STT	TÊN SẢN PHẨM	ĐV	Đơn Giá	STT	TÊN SẢN PHẨM	ĐV	Đơn giá	STT	TÊN SẢN PHẨM	ĐV	
Co (Nối góc 90°)				27	Co 45° - 40 D	-	2.300	52	Co 25 RTT 27 D	-	12.710	78	Nối 75 D	-	18.270
1	Co 20 D	Cái	1.090	28	Co 45° - 50 D	-	7.620	53	Co 25 RTT 21 NK	-	7.990	79	Nối 75 M	-	8.350
2	Co 25 D	-	1.450	29	Co 45° - 50 M	-	3.990	54	Co 32 RTT 27 NK	-	12.580	80	Nối 90 D	-	29.650
3	Co 32 D	-	2.060	30	Co 45° - 63 D	-	12.710	55	Co 32 RTT 34 NK	-	18.270	81	Nối 90 M	-	13.310
4	Co 40 D	-	3.390	31	Co 45° - 63 M	-	6.530	Nắp khoá (Bit đầu ống)				82	Nối 110 M	-	22.990
5	Co 50 D	-	9.920	32	Co 45° - 75 D	-	24.440	56	Nắp khoá 20 D	Cái	970	83	Nối 125 TC	-	32.550
6	Co 50 M	-	6.170	33	Co 45° - 75 M	-	9.320	57	Nắp khoá 25 D	-	1.210	84	Nối 140 TC	-	44.410
7	Co 63 D	-	16.820	34	Co 45° - 90 D	-	21.780	58	Nắp khoá 32 D	-	2.180	85	Nối 160 TC	-	64.610
8	Co 63 M	-	6.900	35	Co 45° - 90 M	-	14.640	59	Nắp khoá 40 D	-	3.750	86	Nối 180 TC	-	83.610
9	Co 75 D	-	27.100	36	Co 45° - 110 D	-	39.200	60	Nắp khoá 50 D	-	2.780	87	Nối 200 TC	-	107.810
10	Co 75 M	-	14.280	37	Co 45° - 110 M	-	23.540	61	Nắp khoá 50 M	-	2.060	Nối ren ngoài			
11	Co 90 D	-	28.190	38	Co 45° 125 TC	-	58.690	62	Nắp khoá 63 D	-	7.740	88	Nối 20 RN 21 D	Cái	730
12	Co 90 M	-	19.120	39	Co 45° - 140 M	-	51.670	63	Nắp khoá 63 M	-	3.630	89	Nối 25 RN 27 D	-	1.090
13	Co 110 M	-	30.730	40	Co 45° - 140 D	-	111.800	64	Nắp khoá 75 D	-	13.790	90	Nối 32 RN 34 D	-	1.820
14	Co 110 D	-	40.660	41	Co 45° 140 TC	-	83.130	65	Nắp khoá 75 M	-	5.810	91	Nối 40 RN 42 D	-	2.540
15	Co 125 TC	-	61.710	42	Co 45° - 160 M	-	76.470	66	Nắp khoá 90 D	-	16.090	92	Nối 50 RN 49 D	-	3.750
16	Co 140 TC	-	87.600	43	Co 45° - 160 D	-	189.610	67	Nắp khoá 90 M	-	9.920	Nối ren trong			
17	Co 140 M	-	70.540	44	Co 45° 160 TC	-	121.000	68	Nắp khoá 110 D	-	26.140	93	Nối 20 RT 27 D	Cái	1.690
18	Co 160 M	-	88.090	45	Co 45° 180 TC	-	165.530	69	Nắp khoá 110 M	-	17.550	94	Nối 25 RT 21 D	-	1.570
19	Co 160 D	-	209.810	46	Co 45° 200 TC	-	204.010	Nối thẳng				95	Nối 32 RT 34 D	-	1.690
20	Co 160 TC	-	127.530	Co rút (Nối góc 90° giảm)				70	Nối 20 D	Cái	610	96	Nối 40 RT 42 D	-	2.660
21	Co 180 TC	-	174.600	47	Co 25x20 D	Cái	1.690	71	Nối 25 D	-	1.090	97	Nối 50 RT 49 D	-	3.750
22	Co 200 TC	-	266.930	48	Co 32x25 D	-	2.900	72	Nối 32 D	-	1.210	Nối ren trong thau (Nối ren trong đồng)			
23	Co 225 D	-	418.560	Co 3 nhánh (Nối góc 3 nhánh)				73	Nối 40 D	-	5.320	98	Nối 20 RTT 21 D	-	7.990
Co 45° (Nối góc 45°)				49	Co 3 nhánh 20 D	Cái	1.450	74	Nối 50 D	-	6.900	99	Nối 25 RTT 27 D	-	11.860
24	Co 45° - 20 D	Cái	970	50	Co 3 nhánh 25 D	-	2.660	75	Nối 50 M	-	3.030	Nối giảm (Chuyên bậc)			
25	Co 45° - 25 D	-	1.210	Co ren trong thau (Nối góc ren trong đồng)				76	Nối 63 D	-	10.530	100	Nối 25x20 D	Cái	970
26	Co 45° - 32 D	-	1.690	51	Co 20 RTT 21 D	Cái	8.110	77	Nối 63 M	-	5.200	101	Nối 32x20 D	-	1.210



Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hóa trực tuyến
GOOS Co., Ltd

Địa chỉ: Phòng 22.07, Tòa nhà Vimeco, Đường Phạm Hùng, Quận Cầu Giấy, Hà nội

ĐT: + 84-4-3773 7548;

Fax: +84-4-3773 5834;

Hotline: 0912083463

Website: <http://choxaydung.vn>

Email: sale@choxaydung.vn

BẢNG GIÁ PHỤ TÙNG ỐNG uPVC - KEO DÁN



(Áp dụng kể từ ngày 16/11/2010)

STT	TÊN SẢN PHẨM	ĐV	Đơn giá	STT	TÊN SẢN PHẨM	ĐV	Đơn giá	STT	TÊN SẢN PHẨM	ĐV	Đơn giá	STT	TÊN SẢN PHẨM	ĐV	Đơn giá
102	Nối 32x25 D	Cái	1.450	131	Nối 140x125 TC	-	40.660	158	T 50x20 NK	-	4.960	Chữ Y (Ba chạc 45°)			
103	Nối 40x20 D	-	1.450	132	Nối 160x140 TC	-	57.840	159	T 50x25 NK	-	5.320	185	Y 63 M	Cái	11.860
104	Nối 40x25 D	-	1.690	133	Nối 180x160 TC	-	76.960	160	T 50x32 NK	-	5.570	186	Y 75 M	-	23.840
105	Nối 40x32 NK	-	2.180	134	Nối 200x180 TC	-	109.380	161	T 50x40 NK	-	13.790	187	Y 90 M	-	29.520
106	Nối 40x32 TC	-	1.940	Chữ T (Ba chạc 90°)				162	T 63x25 D	-	7.260	188	Y 110 M	-	42.110
107	Nối 50x20 NK	-	2.420	135	T 20 D	Cái	1.570	163	T 63x32 D	-	8.230	189	Y 140 M	-	140.720
108	Nối 50x25 D	-	2.300	136	T 25 D	-	2.540	164	T 63x40 D	-	18.270	190	Y 160 M	-	203.890
109	Nối 50x32 D	-	2.300	137	T 32 D	-	3.390	165	T 63x50 NK	-	21.540	Nội chuyển hệ (inch - mét)			
110	Nối 50x40 NK	-	3.150	138	T 40 D	-	4.840	166	T 75x32 NK	-	12.100	191	Nối 21x20 TC	Cái	360
111	Nối 50x40 TC	-	2.660	139	T 50 D	-	14.280	167	T 75x40 NK	-	12.950	192	Nối 27x25 TC	-	610
112	Nối 63x25 D	-	3.630	140	T 50 M	-	6.050	168	T 75x50 NK	-	14.640	193	Nối 34x32 TC	-	1.330
113	Nối 63x32 D	-	3.630	141	T 63 D	-	22.140	169	T 75x63 NK	-	16.340	194	Nối 42x40 TC	-	2.060
114	Nối 63x40 NK	-	4.600	142	T 63 M	-	10.890	170	T 90x50 NK	-	41.500	195	Nối 48x50 TC	-	3.750
115	Nối 63x50 NK	-	4.600	143	T 75 D	-	41.750	171	T 90x63 D	-	30.370	196	Nối 60x63 TC	-	6.780
116	Nối 63x50 TC	-	3.630	144	T 75 M	-	16.580	172	T 90x63 M	-	22.870	Bích đơn			
117	Nối 75x40 NK	-	5.450	145	T 90 D	-	40.660	173	T 90x75 NK	-	49.490	197	Bích 110 NK	Cái	104.570
118	Nối 75x50 NK	-	5.570	146	T 90 M	-	24.560	174	T 110x50 NK	-	71.150	198	Bích 160 NK	-	248.290
119	Nối 75x63 TC	-	6.410	147	T 110 D	-	58.200	175	T 110x63 D	-	85.570	199	Rắc co (Khớp nối sống)		
120	Nối 90x50 NK	-	7.990	148	T 110 M	-	41.380	176	T 110x63 M	-	35.700	200	Rắc co 20 NK	Cái	6.780
121	Nối 90x63 D	-	24.560	149	T 140 M	-	105.150	177	T 110x75 NK	-	75.990	201	Rắc co 25 NK	-	9.200
122	Nối 90x63 M	-	8.590	150	T 160 M	-	115.430	178	T 110x90 NK	-	102.490	202	Rắc co 32 NK	-	14.400
123	Nối 90x75 NK	-	10.530	151	T 225 D	-	534.090	T ren trong thau (Ba chạc ren đồng)				203	Rắc co 40 NK	-	21.180
124	Nối 90x75 TC	-	8.830	Chữ T rút (Ba chạc 90° giảm)				179	T 20 RTT 21 D	Cái	6.530	204	Rắc co 50 NK	-	30.010
125	Nối 110x63 D	-	42.590	152	T 25x20 D	Cái	1.820	180	T 25 RTT 21 NK	-	7.990	205	Rắc co 63 NK	-	44.650
126	Nối 110x63 M	-	12.100	153	T 32x20 D	-	2.180	181	T 25 RTT 27 D	-	11.860	Van cầu			
127	Nối 110x75 NK	-	12.460	154	T 32x25 D	-	2.780	T cong (Ba chạc 90°)				206	Van cầu 20 NK	Cái	10.040
128	Nối 110x90 NK	-	15.250	155	T 40x20 D	-	3.150	182	T cong 63 M	Cái	13.670	207	Van cầu 25 NK	-	15.610
129	Nối 110x90 TC	-	12.950	156	T 40x25 D	-	3.630	183	T cong 90 M	-	52.760	208	Van cầu 32 NK	-	21.660
130	Nối 125x110 TC	-	28.800	157	T 40x32 D	-	7.740	184	T cong 110 M	-	99.950	209	Van cầu 40 NK	-	34.240



Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hóa trực tuyến
GOOS Co., Ltd

Địa chỉ: Phòng 22.07, Toà nhà Vimeco, Đường Phạm Hùng, Quận Cầu Giấy, Hà nội
ĐT: + 84-4-3773 7548; Fax: +84-4-3773 5834; Hotline: 0912083463
Website: <http://choxaydung.vn> Email: sale@choxaydung.vn

BẢNG GIÁ PHỤ TÙNG ỐNG uPVC - KEO DÁN



(Áp dụng kể từ ngày 16/11/2010)

STT	TÊN SẢN PHẨM	ĐV	Đơn giá	STT	TÊN SẢN PHẨM	ĐV	Đơn giá	STT	TÊN SẢN PHẨM	ĐV	
210	Van cầu 50 NK	-	43.440		Joint cao su ống uPVC						
211	Van cầu 63 NK		79.740	223	63	Cái	11.330				
	Van một chiều			224	90	-	15.950				
212	Van một chiều 25 NK	Cái	15.000	225	110	-	20.680				
213	Van một chiều 32 NK	Cái	18.510	226	140	-	25.630				
214	Van một chiều 40 NK	Cái	34.610	227	160	-	33.330				
215	Van một chiều 50 NK	Cái	46.340	228	200	-	45.430				
216	Van một chiều 63 NK	Cái	83.010	229	225	-	51.490				
	Keo dán ống uPVC			230	250	-	83.490				
217	25gr	Tuýp	3.410	231	280	-	92.400				
218	50gr	-	6.050	232	315	-	100.330				
219	100gr	-	11.000	233	400	-	219.780				
220	200gr	Lon	28.490	234	450		297.000				
221	500gr	-	51.700	235	500		401.280				
222	1kg	-	96.470	236	560		505.560				
				237	630		671.880				

Ghi chú:

- Ống Nhựa Bình Minh sản xuất theo tiêu chuẩn ISO 4422:1996/TCVN 6151:2002 (Hệ mét)
- Giá đã bao gồm thuế VAT 10%

GOOS hướng tới cải thiện hệ thống phân phối, cắt giảm giá thành sản phẩm.
Chúng tôi luôn sẵn sàng để các bạn gửi trọn niềm tin